

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Thương mại điện tử, mã ngành 7340122**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-ĐHDL ngày 02/06/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1980/BB-ĐHDL, ngày 31/8/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử của Khoa Kinh tế & Quản lý;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương mại điện tử, mã ngành 7340122 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, mã ngành 7340122 áp dụng từ khóa D17 và định kỳ cập nhật theo chu kỳ rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế & Quản lý và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, Anhlv (02).



Đinh Văn Châu

Phụ lục
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành Thương mại điện tử
Mã ngành 7340122

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHĐL, ngày tháng năm 2023
của Trường Đại học Điện lực)*

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Thương mại Điện tử

Tên tiếng Anh: E-Commerce

Mã ngành đào tạo: 7340122

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm cập nhật bản mô tả: năm học 2022 - 2023

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở Chiến lược phát triển trường Đại học Điện lực về sứ mạng, mục tiêu, giá trị cốt lõi, tầm nhìn, chính sách và quan điểm; Khoa Kinh tế & quản lý (KT&QL) xác định mục tiêu chung của khối ngành kinh tế là: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ quản lý trong tổ chức; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Thương mại Điện tử là: đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức toàn diện về Thương Mại Điện Tử; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong tổ chức công việc thuộc lĩnh vực thương mại điện tử; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

• **PEO 1:** Kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại điện tử

• **PEO 2:** Khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại điện tử

• **PEO 3:** Đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên tốt nghiệp có khả năng:	
<i>Về kiến thức:</i>	
PLO1	Hiểu, vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật; kinh doanh, thương mại; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực thương mại điện tử
PLO2	Vận dụng, phân tích, tổng hợp kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu và các công cụ hiện đại của lĩnh vực thương mại điện tử để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc của ngành thương mại điện tử
<i>Về kỹ năng:</i>	
PLO3	Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý các công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
PLO5	Vận dụng, phân tích và tổng hợp kiến thức năng lực giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử và học tập suốt đời
<i>Về mức tự chủ và trách nhiệm:</i>	
PLO6	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại.

3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số
PLO1	PI1.1	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong lĩnh vực thương mại điện tử	30%
	PI1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế để giải quyết tình huống trong công việc	50%
	PI1.3	Vận dụng được kiến thức quản lý cơ bản, các nguyên tắc quy định và các chính sách pháp luật trong công việc	20%
PLO2	PI2.1	Áp dụng được kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát trong quá trình thực hiện công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử	20%
	PI2.2	Áp dụng các kiến thức phân tích và hoạch định và triển khai chiến lược trong lĩnh vực thương mại điện tử	30%
	PI2.3	Áp dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý và khai thác dữ liệu (marketing, khách hàng, thị trường ...) trong lĩnh vực thương mại điện tử	30%
	PI2.4	Phân tích và tổng hợp các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về vận hành hệ sinh thái thương mại điện tử	20%

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số
PLO3	PI3.1	Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân biện và đề xuất phương án xử lý các nội dung công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử	40%
	PI3.2	Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thương mại điện tử	40%
	PI3.3	Có năng lực đổi mới, khởi nghiệp và tổ chức quản lý các hoạt động trong công việc	20%
PLO4	PI4.1	Có kỹ năng tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử	50%
	PI4.2	Có khả năng trình bày, chuyển tải thông tin tới nhóm, lãnh đạo đơn vị; có khả năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử	50%
PLO5	PI5.1	Có khả năng ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	20%
	PI5.2	Vận dụng công nghệ thông tin, công nghệ dữ liệu và công nghệ số trong kinh tế trong công việc chuyên môn	30%
	PI5.3	Vận dụng năng lực phân tích, thiết kế hệ thống và các giải thuật phần mềm, công nghệ số trong công việc	50%
PLO6	PI6.1	Hình thành khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc.	30%
	PI6.1	Đủ năng lực đánh giá chuyên môn về các nội dung liên quan tới nhiệm vụ trên cơ sở đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong môi quan hệ công việc và môi trường làm việc toàn cầu	30%
	PI6.1	Hình thành kỹ năng lãnh đạo, năng lực về đảm bảo chất lượng, hiệu quả, quản lý các nguồn lực, đổi mới sáng tạo trong công việc	40%

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Thương mại Điện tử trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại các vị trí như sau:

- Chuyên viên quản lý, vận hành các giải pháp kinh doanh thương mại điện tử trực tuyến.
- Chuyên viên thực hiện giao dịch, xử lý đơn hàng, phân tích các dữ liệu đơn hàng, thu thập dữ liệu khách hàng trong kinh doanh Thương mại Điện tử.
- Chuyên viên quản lý các trang bán hàng trực tuyến.
- Chuyên viên quản lý hệ thống phân phối và giao nhận kho vận phục vụ kinh doanh thương mại điện tử.
- Chuyên viên quản lý và thực hiện các giao dịch trong kinh doanh thương mại quốc tế.

- Chuyên gia phân tích dữ liệu marketing và dữ liệu thị trường.
- Khởi nghiệp dựa trên khả năng phát hiện các cơ hội đầu tư.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Thương mại điện tử có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các chuyên ngành Thương mại điện tử nói riêng hoặc chuyên tiếp lên chuyên ngành Quản trị kinh doanh nói chung và các ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao và chứng chỉ kinh doanh online;

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	13	34	26.56%	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	29	94	73.44%	
1	Kiến thức cơ sở ngành	8	21	16.41%	
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	8	21	16.41%	
1.1.1	Bắt buộc	8	21	16.41%	
1.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
1.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
1.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
2	Kiến thức ngành	15	46	35.94%	
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	15	46	35.94%	
2.1.1	Bắt buộc	8	25	19.53%	
2.1.2	Tự chọn	7	21	16.41%	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	3	2.34%	
2.2.1	Bắt buộc	1	3	2.34%	
2.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
3	Kiến thức chuyên ngành	8	26	20.31%	
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	8	26	20.31%	
3.1.1	Bắt buộc	6	20	15.63%	
3.1.2	Tự chọn	2	6	4.69%	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	4	3.13%	
3.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
3.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4	Kiến thức chuyên sâu đặc thù	0	0	0.00%	
4.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	0	0	0.00%	

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
4.1.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
4.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
5	Thực tập tốt nghiệp	1	4	3.13%	
III	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	5.47%	
	Cộng	42	128	100%	

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
Học kỳ 1											
1	1	003923	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	Không	GĐDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	Không	GĐDC	TN	2	BM KHCT
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	Không	GĐDC	Tự luận	2	KHTN
4	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	Không	GĐDC	Tự luận	2	KHTN
5	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	Không	GDCN	TN	2	KT&QL
Học kỳ 2											
1	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	003923	GĐDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	2	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	Không	GĐDC	Tự luận	2	NN
3	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	Không	GĐDC	BCCĐ	1	CNNL
4	2	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	Không	GĐDC	TN	2	CNTT
5	2	002244	Quản trị học	3	45	0	Không	GĐDC	TN	2	KT&QL
6	2	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	37	8		CC	Tự luận	2	BM GDTC
7	2	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	22	8		CC	Tự luận	1	BM GDTC
8	2	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	14	16		CC	TH	1	BM GDTC
9	2	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	4	56		CC	TH	2	BM GDTC
10	2	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20		CC	TH	1	BM GDTC
11	2	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30		CC	TH	1	BM GDTC
12	2	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30		CC	TH	1	BM GDTC
13	2	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30		CC	TH	1	BM GDTC
Học kỳ 3											
1	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	003923 003925	GĐDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	3	003144	Tiếng Anh 2	4	60	0	003137	GĐDC	Tự luận	2	NN
3	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	Không	GDCN	TN	2	KT&QL
4	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	Không	GDCN	TN	2	KT&QL
5	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	GDCN	Tiểu luận	2	KT&QL
6	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
Học kỳ 4											
1	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003923 003925 003926	GĐĐC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Không	GDCN	TN	2	KT&QL
3	4	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	Không	GDCN	Tự luận	1	KT&QL
4	4	004852	Pháp luật trong KD TMĐT	3	45	0	002018	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
5	4	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	30	30	002244 001671	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
6	4	004728	Quản lý vận hành	4	45	30	002244	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
Học kỳ 5											
1	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003923 003925 003926 003505	GĐĐC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	5	004291	Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	36	18	Không	GDCN	Thực hành	2	CNTT
3	5	004868	Thuế và thực hành	4	45	30	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
4	5	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý*	3	30	30	004547 002208 001852	GDCN	Thực hành	2	KT&QL
5	5	004835	Hệ thống thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	60	0	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
6	5	004731	Đề án môn học ngành Thương mại Điện tử	3	0	90	002244 001671 004728	GDCN	BCCD	0	KT&QL
Học kỳ 6											
1	6	002173	Quản lý nhân lực	4	45	30	002244	GDCN	Tiểu luận	2	KT&QL
2	6	004695	Phân tích kinh doanh	3	45	0	003657 002244	GDCN	Tự luận	2	KT&QL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
3	6	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
4	6	004730	Thanh toán điện tử	4	60	0	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
5	6	000247	Cơ sở lập trình Web	2	21	18	Không	GDCN	BCCĐ	2	KT&QL
6	6	004732	Truyền thông đa phương tiện	4	60	0	Không	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
Học kỳ 7											
1	7	002134	Quản lý logistics	2	30	0	004728	GDCN	TN (Tự luận, vấn đáp)	1	QLCN&NL
2	7	004871	Quản lý chiến lược	4	60	0	002244 001216 001223	GDCN	Tiểu luận	2	KT&QL
3	7	004873	Quản lý mua hàng	4	45	30	001671 002244	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
4	7	001841	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	2	24	12	Không	GDCN	Thực hành	2	KT&QL
5	7	002694	Thực hành môn học Thương mại Điện tử	4	0	120	004720	GDCN	BCCĐ	0	KT&QL
6	7	004858	Marketing số *	3	45	0	001671	GDCN	Tự luận	2	KT&QL
Học kỳ 8											
1	8	004578	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	002694 002695	GDCN	BCCĐ	0	KT&QL
2	8	004597	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	004576	GDCN	BCCĐ	0	KT&QL